CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tân Phú Việt Nam

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.5%	**-9.1%**	**-**

DT thuần
Q2/25
859
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 106| 14.1%
YoY: ▲ 37.0| 4.5%

LN thuần
Q2/25
30.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.6| 155%
YoY: ▲ 19.7| 180%

LN sau thuế
Q2/25
24.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.7| 304%
YoY: ▲ 16.0| 181%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
7.4%
YoY: +/-▲ 2.5%

ROE (TTM)
Q2/25
10.9%
YoY: +/-▲ 2.6%

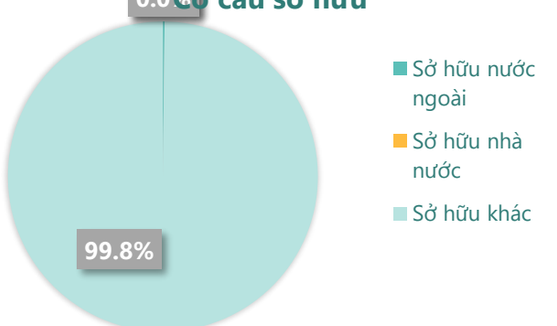
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,200 - 12,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	450
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	166,285
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.50
EPS	1,345
P/E	7.4

DT thuần
6T 2025
1,612
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0| 6.2%

LN thuần
6T 2025
42.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.7| 185%

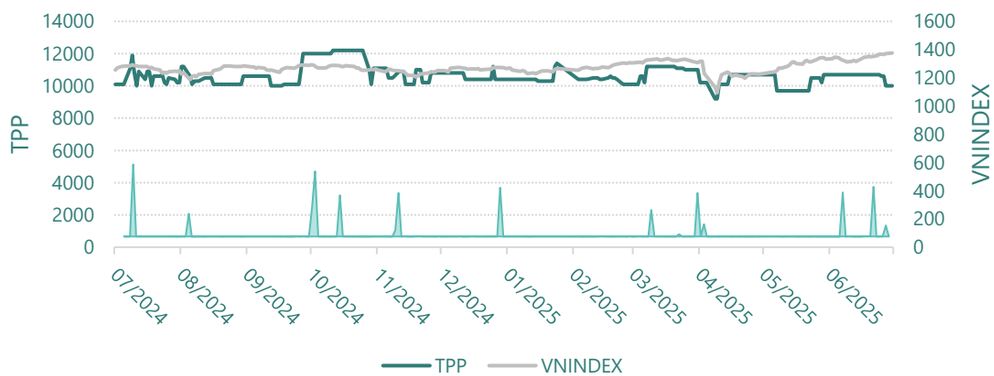
LN sau thuế
6T 2025
31.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.9| 155%

Cơ cấu sở hữu

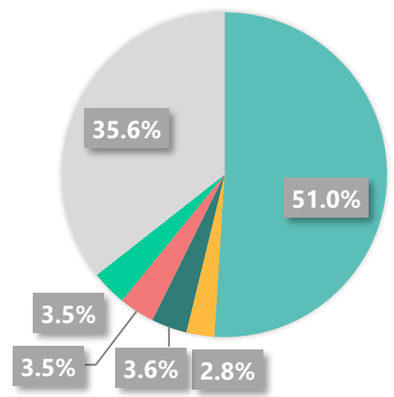


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



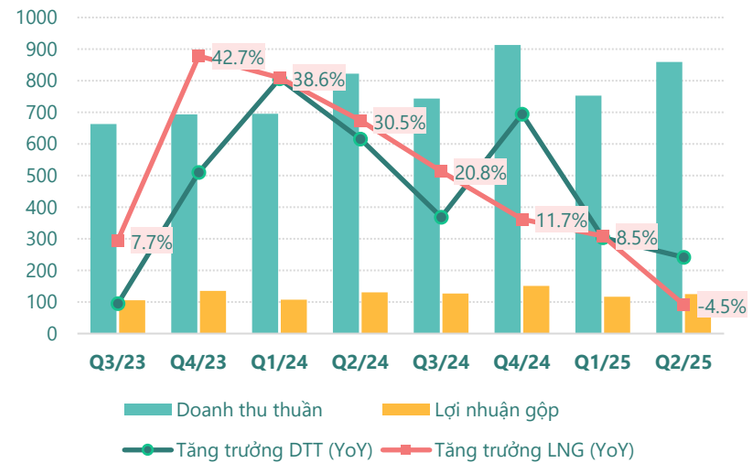
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

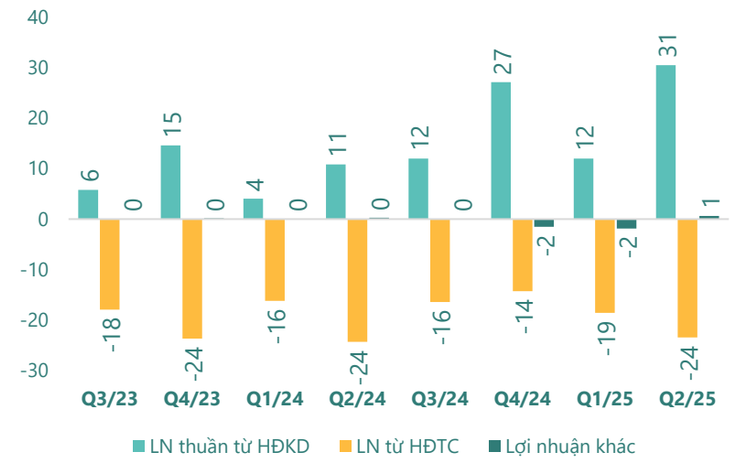
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



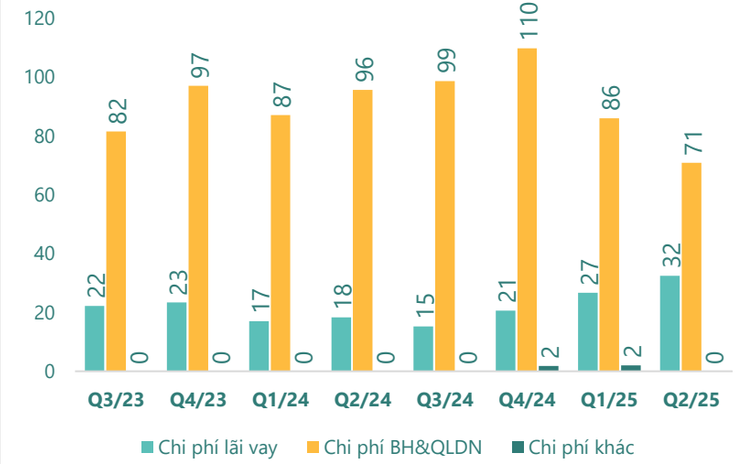
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



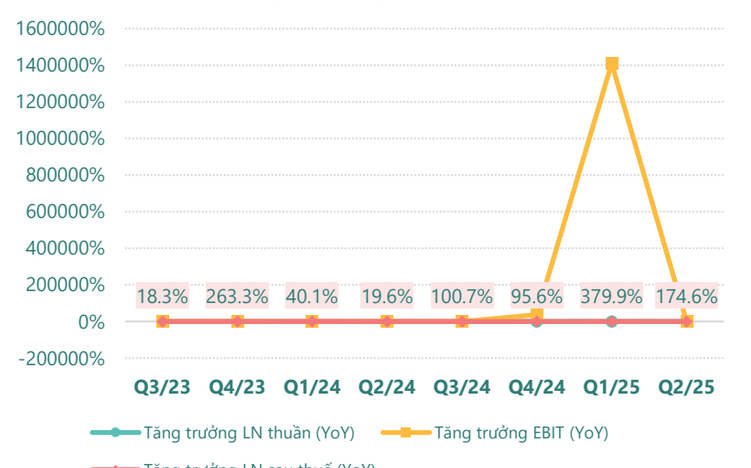
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



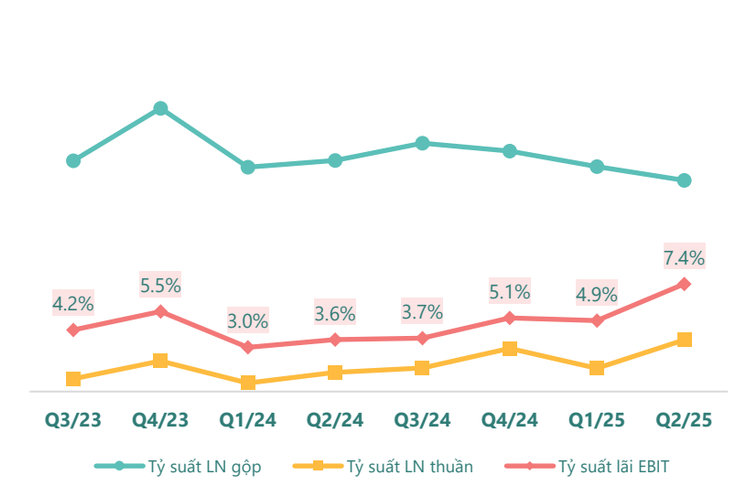
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



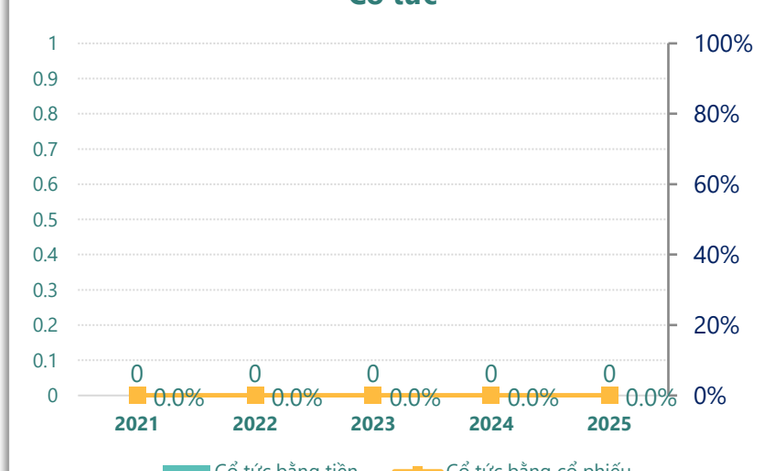
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

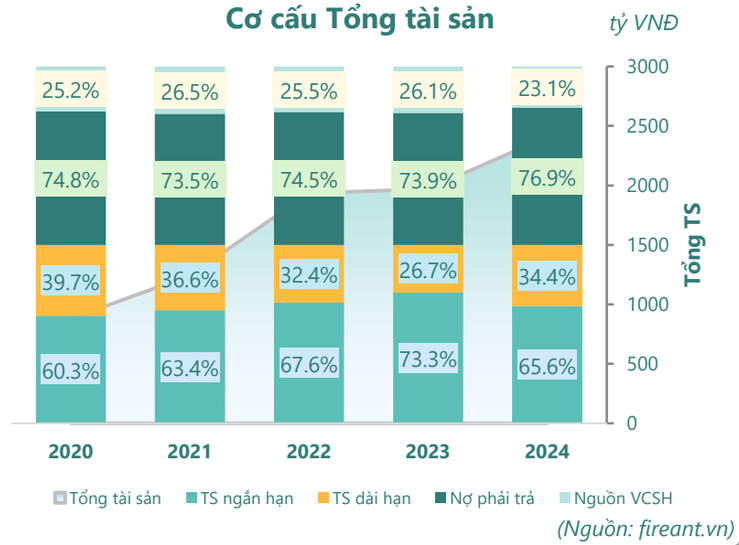
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

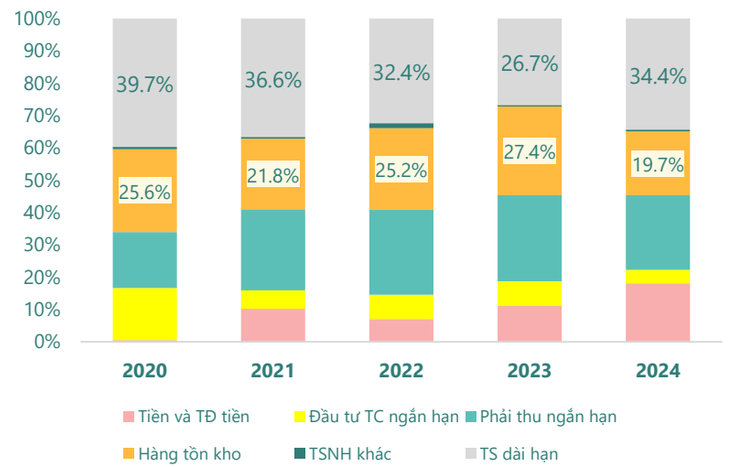
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



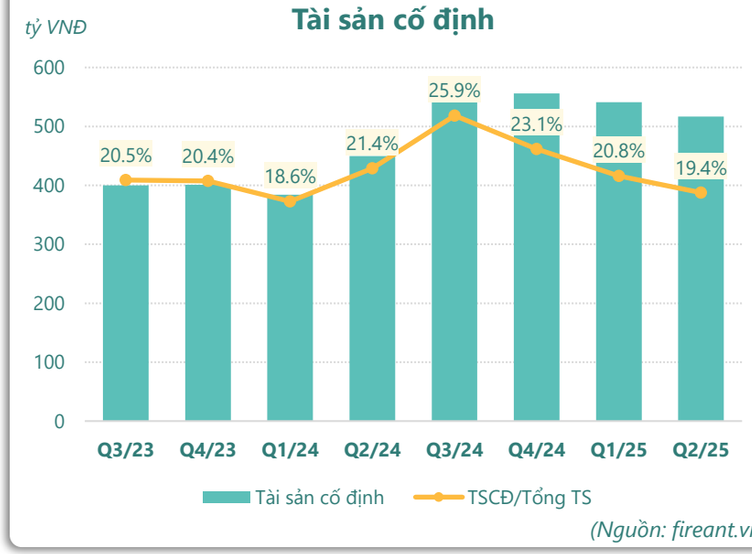
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



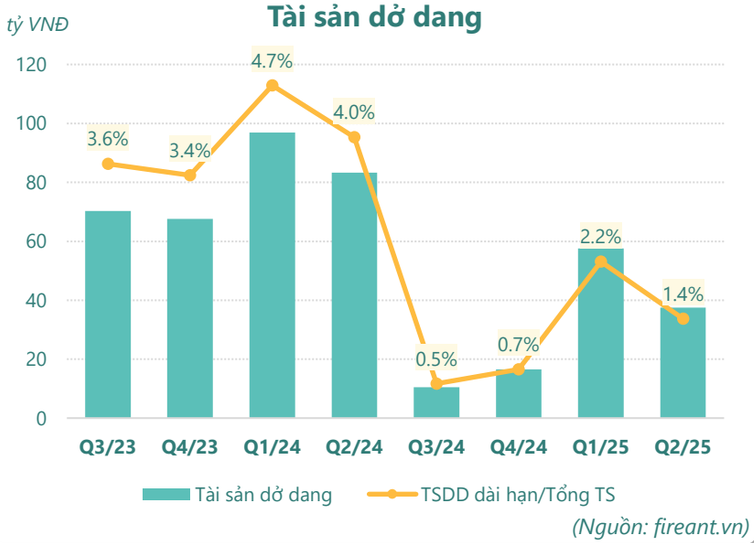
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



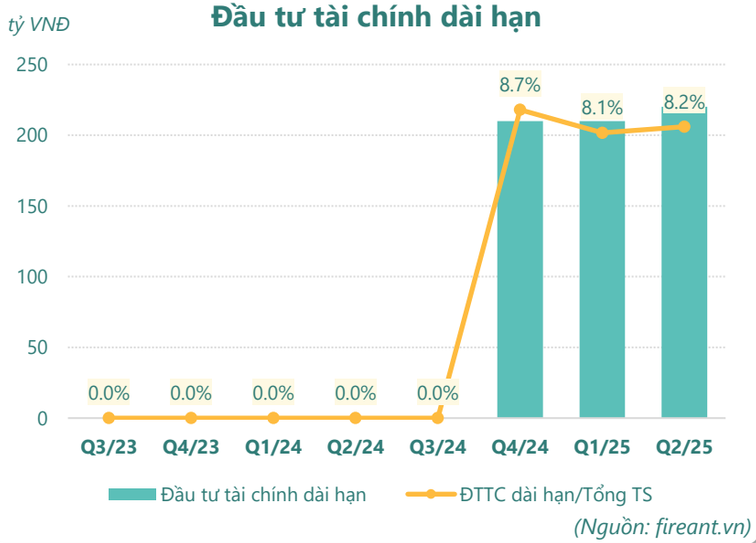
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



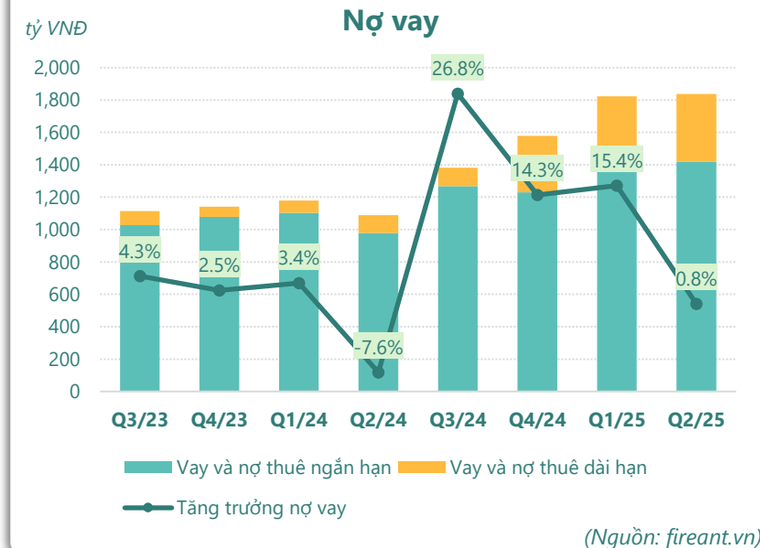
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

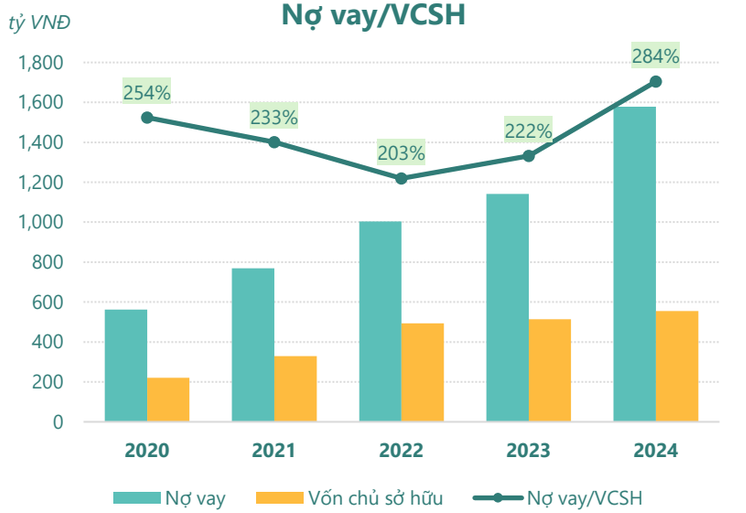
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

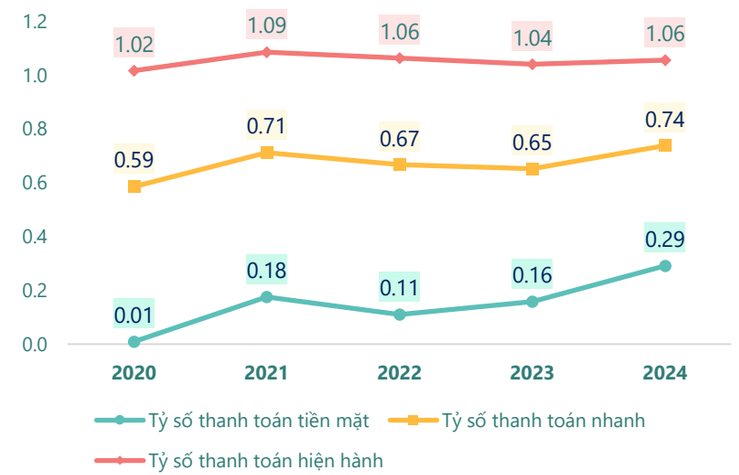
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



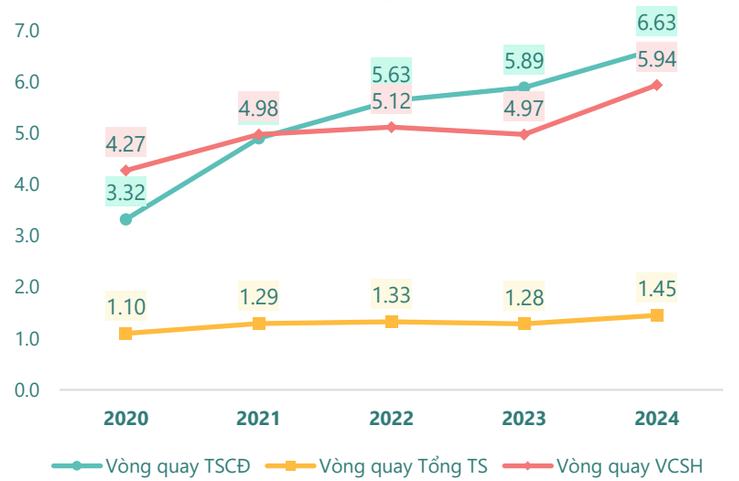
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



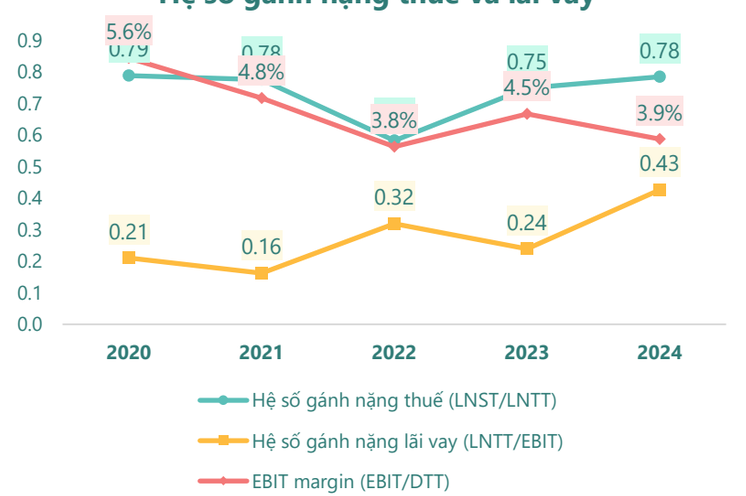
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



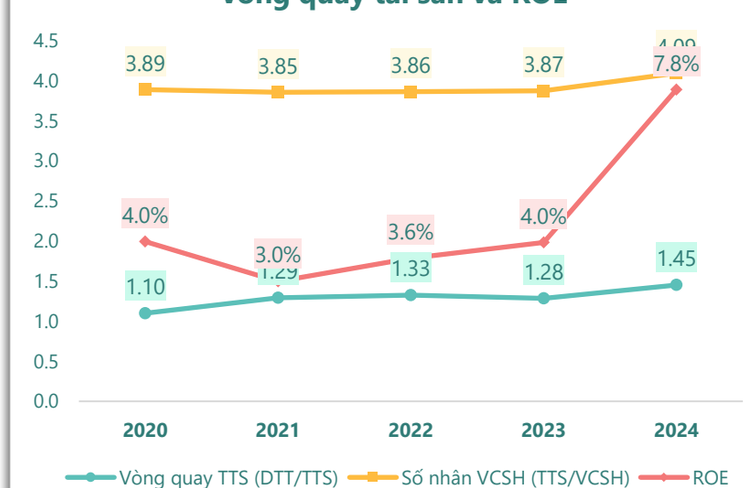
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



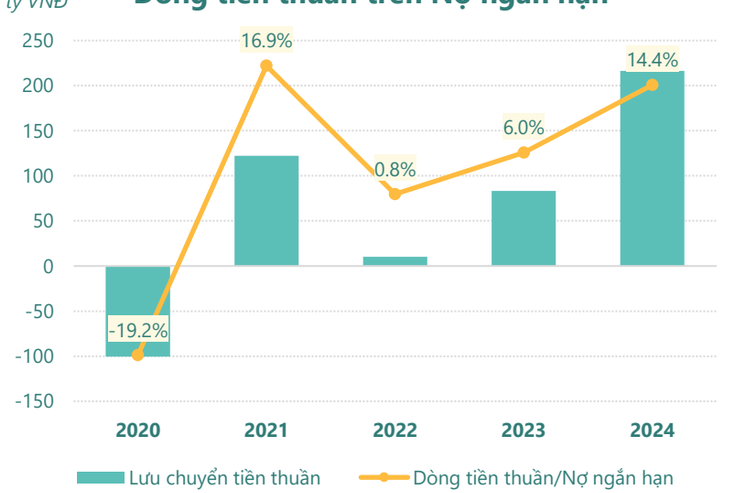
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**859**	**822**	**4.5%**	**1,612**	**1,518**	**6.2%**
Giá vốn hàng bán	734	691	6.2%	1,370	1,279	7.1%
Lợi nhuận gộp	125	131	-4.6%	242	238	1.4%
Doanh thu HĐTC	11.4	7.97	43.6%	21.3	16.5	28.9%
Chi phí TC	35.0	32.3	8.2%	63.4	57.1	11.1%
Chi phí lãi vay	32.5	18.3	77.5%	59.2	35.4	67.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	48.9	74.5	-34.4%	113	141	-19.3%
Chi phí QLDN	**22.1**	**21.2**	**4.1%**	**43.6**	**42.4**	**2.8%**
LN thuần từ HĐKD	30.6	10.9	180%	42.6	14.9	185%
Lợi nhuận khác	**0.61**	**0.29**	**112%**	**-1.24**	**0.35**	**-450%**
LN trước thuế	31.2	11.1	181%	41.3	15.3	170%
Lợi nhuận sau thuế	**24.9**	**8.86**	**181%**	**31.1**	**12.2**	**155%**
LNST của CĐ cty mẹ	**24.9**	**8.86**	**181%**	**31.1**	**12.2**	**155%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-98.1	244	-338	303	-174	-24.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.8	11.8	-223	-89.3	-81.0	55.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	38.4	-90.2	292	197	-72.2	331
Tiền đầu kỳ	220	129	295	25.0	436	109
Lưu chuyển tiền thuần	**-90.6**	**165**	**-270**	**411**	**-327**	**362**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.23	0	0.05	0	0.01
Tiền cuối kỳ	129	295	25.0	436	109	471

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,668**	**2,408**	**10.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,851	1,580	17.1%
Tiền và tương đương tiền	471	436	8.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	84.6	99.5	-15.0%
Phải thu ngắn hạn	785	556	41.0%
Hàng tồn kho	491	475	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	19.3	13.2	45.6%
Tài sản dài hạn	**817**	**828**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	18.7	18.9	-1.1%
Tài sản cố định	517	556	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.5	16.6	126%
Đầu tư tài chính dài hạn	220	210	4.8%
Tài sản dài hạn khác	**24.3**	**27.1**	**-10.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,082	1,853	12.3%
Nợ ngắn hạn	**1,654**	**1,496**	**10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,418	1,230	15.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	133	147	-9.7%
Nợ dài hạn	428	357	19.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	419	348	20.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**587**	**556**	**5.6%**
Vốn chủ sở hữu	**587**	**556**	**5.6%**
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)